

THÀNH LẬP CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA CỘT MỐC MỚI CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

ThS. Cao Minh Kiểm

Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

Đề cập đến các nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia (NASATI). Giới thiệu một số nét chính về chức năng, nhiệm vụ và định hướng hoạt động của NASATI trong thời gian tới.

Ngày 17/12/2009, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ban hành Quyết định số 2880/QĐ-BKHCN về việc thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia thuộc Bộ KH&CN trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia. Đây là một trong những bước quan trọng triển khai Nghị định 28/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN. Bài viết giới thiệu một số nét chính về chức năng, nhiệm vụ và định hướng hoạt động của Cục trong thời gian tới.

I. Cục Thông tin KH&CN Quốc gia – chức năng và nhiệm vụ

1.1. Thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia là yêu cầu của quá trình phát triển

Hoạt động thông tin KH&CN ở Việt Nam bắt đầu triển khai được từ đầu những năm 60 của thế kỷ trước. Nhiều tổ chức thông tin KH&CN đã ra đời và phát triển trong những năm 70. Trên cơ sở đó, Hệ thống Thông tin KH&CN Quốc gia được coi là hình thành và phát triển trong những năm 80 và được kiện toàn vào những năm 90 Thế kỷ XX. Từ sau Nghị định 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004

của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN, khái niệm “Mạng lưới các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN” được sử dụng thay cho “Hệ thống thông tin KH&CN Quốc gia”. Cho đến nay, mạng lưới các tổ chức thông tin KH&CN công lập đã được thiết lập và bao gồm [1, 2]:

- Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia, trực thuộc Bộ KH&CN, là đầu mối liên kết trung tâm của mạng lưới các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN;

- Khoảng trên 40 tổ chức thông tin KH&CN cấp Bộ/ngành, bao gồm các cơ quan thông tin của các Bộ (trong đó có cả 2 trung tâm thông tin chuyên dạng của Bộ KH&CN là Trung tâm Thông tin Sáng chế và Trung tâm Thông tin Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng), các cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ;

- 63 tổ chức thông tin KH&CN cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Một số tổ chức thông tin KH&CN thuộc khối các cơ quan trung ương của Đảng và đoàn thể ở Trung ương;

- Hơn 400 tổ chức thông tin, thư viện cơ sở tại các viện/trung tâm nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, học viện; Hàng chục trung tâm thông tin ở các Tổng công ty 90, 91.

Nghiên cứu - Trao đổi

Mặc dù đã có những bước phát triển và đạt được những kết quả đáng khích lệ về nhiều mặt như phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN; tăng cường nguồn tin, hệ thống sản phẩm, dịch vụ, trình độ công nghệ, v.v... nhưng hoạt động thông tin KH&CN nước ta hiện vẫn còn một số khó khăn cần được giải quyết:

- Năng lực thông tin còn hạn chế, tản mạn, chưa đủ tích hợp và chưa được khai thác tốt (nhất là nguồn tin nội sinh);

- Hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu thốn, nhiều nơi còn lạc hậu;

- Sự liên kết, phối hợp giữa các tổ chức thông tin KH&CN trong mạng lưới còn lỏng lẻo; việc ứng dụng CNTT và các thành tựu KH&CN tiên tiến trong hoạt động thông tin KH&CN còn nhiều khó khăn; thiếu các tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật chung, nhất là các tiêu chuẩn hiện đại nhằm đảm bảo tương hợp, dễ dàng trao đổi, chia sẻ và khai thác thông tin theo chế độ mạng trong cả nước;

- Đội ngũ cán bộ thông tin KH&CN và cộng tác viên mỏng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế, một số chưa thực sự gắn bó với nghề nghiệp;

- Công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động thông tin KH&CN còn nhiều hạn chế, thiếu đồng bộ, nhiều khi thiếu hướng dẫn cụ thể; văn bản quy phạm pháp luật được triển khai chậm;

- Sự quan tâm của lãnh đạo các cấp đối với hoạt động thông tin KH&CN chưa đủ; văn hóa thông tin trong giới nghiên cứu và đào tạo cũng như trong xã hội còn thấp so với nhu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Công tác thống kê KH&CN, tuy đã được triển khai ở mức độ nhất định, song nhìn

chung chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý và phát triển trong giai đoạn hiện nay. Mới chỉ có một số công cụ thống kê cần thiết ban đầu như hệ thống chỉ tiêu thống kê KH&CN, các bảng phân loại thống kê KH&CN, danh mục các cuộc điều tra thống kê KH&CN ngoài chương trình điều tra quốc gia, v.v... đã được xây dựng. Các chế độ báo cáo thống kê cơ sở và báo cáo thống kê tổng hợp về KH&CN vẫn còn đang trong quá trình xây dựng. Thông tin thống kê KH&CN của nước ta vừa thiếu, vừa chưa tin cậy và chưa tương hợp với quốc tế. Nghị định 30/2006/NĐ-CP ngày 29/03/2006 của Chính phủ về Thống kê KH&CN quy định về cung cấp, thu thập, xử lý, công bố và sử dụng thông tin thống kê KH&CN, phát triển công tác thống kê KH&CN, chưa đi vào cuộc sống, một phần quan trọng là do chưa có bộ máy triển khai cụ thể [5, 6].

Để tăng cường công tác thông tin KH&CN, trong Nghị định 28/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN, Chính phủ đã giao Bộ KH&CN “*Quy định và hướng dẫn hoạt động thông tin, truyền thông, thư viện, thống kê KH&CN và phát triển thị trường công nghệ; chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của mạng lưới các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho thông tin và thống kê KH&CN, tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực và thành tựu KH&CN, đầu tư phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến kết nối với khu vực và quốc tế*”. Mặc dù đã được thành lập từ năm 1990, nhưng Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia chỉ vẫn là một đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực

Nghiên cứu - Trao đổi

KH&CN, không có chức năng quản lý nhà nước về thông tin, thư viện, thống kê KH&CN. Vì vậy sự ra đời của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia là để gắn kết các nội dung nói trên, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành KH&CN nói chung và của hoạt động thông tin, thư viện và thống kê KH&CN nói riêng.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia

Xuất phát từ yêu cầu phát triển hoạt động thông tin, thư viện và thống kê KH&CN, ngày 17/12/2009, Bộ trưởng Bộ KH&CN đã ký ban hành Quyết định số 2880/QĐ-BKH&CN về việc thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia thuộc Bộ KH&CN trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia. Điều 2 của Quyết định đã xác định chức năng của Cục như sau: “*Cục Thông tin KH&CN Quốc gia có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp về thông tin, thư viện, thống kê KH&CN*”. Bộ trưởng cũng giao cho Cục trưởng Cục Thông tin KH&CN Quốc gia xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục trình Bộ trưởng phê duyệt.

Tên giao dịch quốc tế của Cục là **National Agency for Science and Technology Information** (viết tắt là **NASATI**).

Cục Thông tin KH&CN Quốc gia dự kiến được giao thực hiện một số nhiệm vụ chính như sau [3]:

(1) Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ KH&CN:

- Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê

KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị, phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến ;

- Dự thảo chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm, đề án xây dựng cơ sở hạ tầng cho thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị, trung tâm giao dịch thông tin công nghệ và đầu tư phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến;

(2) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt;

(3) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN;

(4) Ban hành văn bản cá biệt, văn bản quy phạm nội bộ thuộc lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị và phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến;

(5) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ dưới đây trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị, các mạng thông tin KH&CN tiên tiến:

- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin và các thành tựu KH&CN tiên tiến;

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

- Đăng ký, lưu giữ và sử dụng thông tin kết quả các nhiệm vụ KH&CN; Quản lý và cấp mã số chuẩn quốc tế cho các xuất bản phẩm kế tiếp (ISSN);

Nghiên cứu - Trao đổi

- Hoạt động hợp tác quốc tế;

(6) Phối hợp thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động thông tin, thư viện, thống kê KH&CN, phát triển chợ công nghệ và thiết bị theo quy định của pháp luật;

(7) Tổ chức và phát triển Thư viện KH&CN Quốc gia; Chủ trì bổ sung, phát triển nguồn tin KH&CN cho cả nước; Tổ chức và phát triển Liên hiệp thư viện Việt Nam (Vietnam Library Consortium);

(8) Tổ chức và thực hiện xử lý, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo, phục vụ hoạt động quản lý, nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi; Cập nhật và phát triển Cổng điện tử về thông tin KH&CN Việt Nam; Xây dựng CSDL quốc gia về KH&CN trong đó có các CSDL về nhân lực, thành tựu KH&CN, thống kê KH&CN; Xuất bản sách KH&CN, Tạp chí Thông tin và Tư liệu và các ấn phẩm thông tin KH&CN khác;

(9) Tổ chức và phát triển dịch vụ giao dịch thông tin công nghệ, Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam; Tổ chức, tham gia các triển lãm, hội chợ trong nước và quốc tế; Cung cấp thông tin công nghệ phục vụ các doanh nghiệp;

(10) Tổ chức và thực hiện công tác thống kê KH&CN;

(11) Tổ chức, vận hành và phát triển Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam (VinaREN);

(12) Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN và tổ chức các sự kiện KH&CN;

(13) Thực hiện cải cách hành chính

trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê KH&CN;

(14) Quản lý về tổ chức, cán bộ, tài sản và hồ sơ tài liệu của Cục theo sự phân cấp và quy định của Bộ;

(15) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

II. Một số định hướng hoạt động của Cục Thông tin KH&CN Quốc gia đến năm 2020

2.1. Khung cảnh của hoạt động thông tin KH&CN thời gian tới

Hoạt động thông tin KH&CN của Việt Nam có thể sẽ triển khai trong khung cảnh hoạt động mới, với cơ hội và thách thức mới. Nền kinh tế của đất nước sẽ có những chuyển đổi mạnh sang kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa do tác động của toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế về kinh tế. Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng KH&CN, đặc biệt là của CNTT và TT sẽ tác động sâu sắc đến sự phát triển của thế giới. Thế giới đang chuyển dần từ xã hội công nghiệp sang xã hội thông tin, xã hội tri thức [4]. Toàn cầu hoá kinh tế được xác định là một xu thế khách quan, tạo cơ hội cho phát triển. KH&CN sẽ có những bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn, tác động nhiều mặt đến tất cả các quốc gia. Việc gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế (WTO) đã mở ra những cơ hội hợp tác và phát triển, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, song cũng tạo ra những thách thức mới, đặc biệt, khả năng xuất hiện những dịch vụ thông tin quốc tế với sự cạnh tranh tăng lên, những vấn đề bản quyền ngày càng thắt chặt hơn rất có thể sẽ tác động đến hoạt động thông tin KH&CN trong nước.

Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi

Nghiên cứu - Trao đổi

mới của Đảng, Việt Nam đã lớn mạnh về nhiều mặt, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, kinh tế tăng trưởng khá nhanh, công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được những kết quả to lớn. Tuy nhiên, nền kinh tế nước ta vẫn trong tình trạng khó khăn. Đặc biệt, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu có tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam.

Hoạt động KH&CN đang có những thay đổi để đáp ứng đòi hỏi mới. Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ IX Ban Chấp hành TƯ khoá 10 đã xác định: “*tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý và chính sách phát triển KH&CN; nghiên cứu xây dựng, bổ sung hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ quốc gia và các ngành, các sản phẩm quan trọng. Đổi mới có chế tài chính, nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của cơ quan nghiên cứu khoa học. Tiếp tục phát huy dân chủ trong nghiên cứu khoa học. Phát triển thị trường khoa học, công nghệ. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất, kinh doanh, giáo dục, đào tạo. Có chính sách chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc tốt hơn cho cán bộ nghiên cứu khoa học, nhất là cán bộ đầu ngành, có trình độ cao*” [7]. Căn cứ những định hướng đó của Chính phủ, Bộ KH&CN cũng đặt ra những nhiệm vụ và giải pháp nhằm đạt mục tiêu “*nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, năng lực sáng tạo và đổi mới công nghệ, tăng tỷ trọng đóng góp của KH&CN trong việc nâng cao năng xuất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, nhằm đẩy nhanh tốc độ và nâng*

cao chất lượng tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; tập trung xây dựng được một nền KH&CN có trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực, thực sự là động lực đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020” [8].

Khuôn khổ pháp luật cho hoạt động thông tin KH&CN đã cơ bản được hình thành và đang tiếp tục được hoàn thiện. Luật KH&CN (năm 2000) đã có những quy định rất cơ bản về thông tin và thống kê KH&CN. Điều 45 của Luật KH&CN đã xác định rõ vai trò của Chính phủ: “*Chính phủ đầu tư xây dựng hệ thống thông tin KH&CN quốc gia hiện đại, đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về các thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực KH&CN ở trong nước và trên thế giới; ban hành quy chế quản lý thông tin KH&CN; hàng năm công bố danh mục và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trong nước*”. Nhằm phát triển và đẩy mạnh quản lý nguồn tri thức nội sinh, Điều 25 của Luật cũng quy định “*Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải được lưu giữ tại cơ quan lưu trữ nhà nước*”. Hoạt động thống kê KH&CN đã được đề cập trong Điều 51 của Luật KH&CN: “*Hệ thống tiêu chí thống kê KH&CN được quy định thống nhất trong cả nước. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức KH&CN, cá nhân hoạt động KH&CN có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, trung thực số liệu thống kê KH&CN cho cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có thẩm quyền theo sự phân cấp của Chính phủ*”.

Nghiên cứu - Trao đổi

Công tác quản lý hoạt động thông tin KH&CN được quan tâm triển khai với việc thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. Nghị định 28/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ đã quy định trong cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN có Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. Việc thành lập Cục thông tin KH&CN quốc gia là nhằm tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về thông tin và thống kê KH&CN.

Công tác thống kê KH&CN được quan tâm hơn. Ngoài việc ban hành Nghị định 30/2006/NĐ-CP về thống kê KH&CN, Chính phủ cũng ban hành nhiều văn bản pháp quy về thống kê nói chung, trong đó có nhiều vấn đề liên quan đến KH&CN. Gần đây Chính phủ cũng đang tiếp tục yêu cầu đổi mới đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê nói chung, trong đó có những chỉ tiêu thống kê KH&CN [9].

Cơ chế quản lý KH&CN theo hướng nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN, trong đó có tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN, tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh. Sự đổi mới chính sách và cơ chế quản lý theo hướng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức dịch vụ công lập sẽ đặt ra những cơ hội và thách thức mới cho hoạt động của các tổ chức công lập nói chung và tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN nói riêng. Nghị định 115/2005/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định những vấn đề liên quan đến cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN. Quy định này sẽ tác động ngày càng rõ hơn vào hoạt động của các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN trong thời gian tới.

Tăng cường xã hội hoá các hoạt động phát triển thị trường công nghệ là định hướng chính sách rõ ràng. Mức độ hỗ trợ trong việc tổ chức các Chợ công nghệ và thiết bị bằng ngân sách KH&CN để phát triển thị trường công nghệ sẽ thay đổi theo hướng lấy thu bù chi, giảm dần sự hỗ trợ từ ngân sách. Theo Thông tư liên tịch số 152/2007/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 17/12/2007 hướng dẫn quản lý tài chính đối với hoạt động tổ chức chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), hỗ trợ của Nhà nước sẽ giảm dần đến mức chỉ đảm bảo 20% chi phí về cơ sở vật chất kỹ thuật và các khoản chi của Ban tổ chức vào năm 2014, từ năm 2015 trở đi chỉ đảm bảo cho các hoạt động chung của Ban Tổ chức, các chi phí khác phải huy động từ các đơn vị tham gia và các nguồn thu khác.

2.2. Một số định hướng hoạt động của Cục thông tin KH&CN Quốc gia thời gian tới

Trong bối cảnh như trên, để thực hiện chức năng và nhiệm vụ mà Bộ trưởng Bộ KH&CN đã giao cho Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, một số định hướng ban đầu cho hoạt động của Cục có thể đề ra như sau [3]:

a) Phát triển tin lược KH&CN của đất nước nhằm đáp ứng một cách hiệu quả nhu cầu của xã hội trên cơ sở bổ sung và đẩy mạnh khai thác các nguồn tin trọng yếu của thế giới và trong nước

- Tăng cường bổ sung tạp chí KH&CN thế giới, trong đó khoảng 6.000-8.000 tạp chí hàng đầu có ý nghĩa thiết thực đối với Việt Nam;

- Bổ sung một cách hệ thống và chọn lọc các sách chuyên khảo và sách tra cứu có giá trị cao về các lĩnh vực KH&CN ưu

Nghiên cứu - Trao đổi

tiên phát triển của Việt Nam;

- Bổ sung và tổ chức khai thác các nguồn thông tin sáng chế và thông tin tiêu chuẩn;

- Thu thập một cách hệ thống và đầy đủ các nguồn tin KH&CN trong nước, đặc biệt là các nguồn tài liệu báo cáo kết quả nghiên cứu, tài liệu hội nghị, hội thảo (thường gọi là “tài liệu xám”);

- Tăng cường mua quyền truy cập và sử dụng hiệu quả các nguồn tin có tính công cụ định hướng nghiên cứu, đánh giá hiệu quả, tác động của các công bố khoa học quốc tế (ISI Web of Knowledges, Scopus, Science finder, ...);

- Đẩy mạnh công tác điều hòa, phối hợp trong bổ sung và phát triển nguồn tin KH&CN nước ngoài trên cơ sở phát triển Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin KH&CN.

b) Phát triển dịch vụ phân tích thông tin có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu lãnh đạo, quản lý trong hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch phát triển, chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường

- Tổ chức nghiên cứu và cung cấp các tổng quan phân tích theo các vấn đề thời sự hoặc theo đặt hàng (phản ánh đầy đủ lịch sử, hiện trạng, xu thế phát triển trên thế giới và ở nước ta có kèm theo các khuyến nghị được cân nhắc một cách toàn diện);

- Tổ chức nghiên cứu và cung cấp thông tin mang tính tình báo cạnh tranh (competitive intelligence), cảnh báo công nghệ (la veille technologique) hoặc thông tin phân tích thị trường,...

- Đáp ứng kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin cần thiết cho những yêu cầu tin

đột xuất của lãnh đạo, quản lý.

- Tổ chức dịch vụ phân tích tin đặc nhiệm theo yêu cầu của Bộ trưởng.

c) Triển khai và phát triển công tác thống kê KH&CN

- Tổ chức triển khai Nghị định 30/2006/NĐ-CP về thống kê KH&CN trên quy mô cả nước;

- Hình thành và phát triển Trung tâm thống kê KH&CN - tổ chức thống kê ngành KH&CN;

d) Đẩy mạnh dịch vụ thông tin giao dịch công nghệ góp phần phát triển thị trường công nghệ Việt Nam

- Tổ chức và quản lý Techmart Việt Nam theo hướng xã hội hóa từng bước;

- Tổ chức và triển khai Trung tâm giao dịch công nghệ thường xuyên cho khu vực phía Bắc và cả nước nói chung;

- Tăng cường và thúc đẩy thông tin giao dịch công nghệ giữa Việt Nam và các nước trên thế giới;

- Hoàn thiện và phát triển Sàn giao dịch công nghệ trên Internet (Techmart ảo);

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ “hậu Techmart”;

- Tổ chức và triển khai Mạng thông tin công nghệ phục vụ các doanh nghiệp.

đ) Phát triển Thư viện KH&CN Quốc gia hiện đại, ngang tầm khu vực Đông nam Á

Thư viện KH&CN Quốc gia sẽ được phát triển với các tiêu chí để trở thành:

- Thiên đường văn hóa đọc ở Việt Nam với sự phong phú và chất lượng tài liệu, tiện nghi hiện đại, dịch vụ chuyên nghiệp, môi trường thúc đẩy sáng tạo;

- có thể phục vụ hàng ngàn bạn đọc tại

Nghiên cứu - Trao đổi

chỗ và hàng triệu bạn đọc từ xa;

- Thư viện tích hợp hài hòa giữa thư viện truyền thống và thư viện số;

- Nơi giao tiếp, gặp gỡ, trao đổi và chia sẻ ý tưởng sáng tạo của giới tri thức nước nhà;

- Trung tâm phổ biến và quảng bá tri thức khoa học của nhân loại và của Việt Nam.

e) Đẩy mạnh phát triển và khai thác Mạng Nghiên cứu và Đào tạo Việt Nam - VinaREN, hạ tầng thông tin tiên tiến của Việt Nam trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo

Được khai trương và đi vào hoạt động từ tháng 3 năm 2008, VinaREN là mạng truyền thông dùng riêng cho lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo với hạ tầng thông tin hiện đại bậc nhất nước ta, đạt trình độ khu vực và quốc tế. VinaREN hiện đã kết nối 53 viện nghiên cứu, trường đại học hàng đầu của nước ta tại 11 tỉnh, thành phố trong cả nước với cộng đồng trên 30 triệu nhà khoa học và đào tạo trên thế giới. Trong thời gian tới, VinaREN cần được phát triển và khai thác mạnh mẽ theo hướng:

- Đẩy mạnh việc ứng dụng tại các đơn vị thành viên trên cơ sở triển khai các chương trình hợp tác về nghiên cứu-đào tạo có sử dụng các ứng dụng và dịch vụ mạng tiên tiến, hiệu năng cao như: đào tạo từ xa, hội nghị trực tuyến, truyền hình chất lượng cao, điện toán lưới, multicasts, y học từ xa, nông nghiệp điện tử, văn hóa điện tử (e-culture), khoa học điện tử (e-science),...

- Chia sẻ thông tin và truy cập các nguồn tin trực tuyến, các thư viện điện tử trong nước và trên thế giới;

- Nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm các dịch vụ và ứng dụng mạng tiên tiến quy mô quốc gia và quốc tế;

- Duy trì đường truyền và nâng cấp công nghệ và băng thông theo nhu cầu trong nước và hội nhập quốc tế;

- Tăng cường và mở rộng hợp tác khu vực và quốc tế trong khuôn khổ TEIN3/TEIN4, APAN và GLORIAD;

- Từng bước mở rộng phạm vi kết nối và phục vụ để hỗ trợ thiết thực cho tất cả các phòng thí nghiệm trọng điểm, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm xuất sắc, bệnh viện chủ chốt, doanh nghiệp KH&CN quan trọng của đất nước.

g) Đẩy mạnh công tác thông tin KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội ở các địa phương, nông thôn, miền núi

- Tiếp tục hỗ trợ các địa phương nhân rộng mô hình cung cấp thông tin KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội tới tuyến huyện, xã;

- Hỗ trợ các địa phương xây dựng thư viện tích hợp về KH&CN và hình thành mạng lưới thông tin KH&CN tại địa phương kết nối với Trung ương và quốc tế;

h) Phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc, triển khai mạnh mẽ các sản phẩm và dịch vụ có thu, đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo nguồn lực và động lực phát triển cơ quan, đơn vị một cách mạnh mẽ và bền vững

- Hình thành và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trực thuộc hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

- Xây dựng và thực hiện cơ chế tài chính nội bộ đảm bảo phát triển bền vững.

Nghiên cứu - Trao đổi

i) Đẩy mạnh quản lý nhà nước về thông tin, thư viện và thống kê KH&CN. Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế về thông tin, thư viện và thống kê KH&CN

- Quy định và hướng dẫn hoạt động thông tin, thư viện, thống kê KH&CN;

- Chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của mạng lưới các tổ chức dịch vụ thông tin KH&CN;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho thông tin và thống kê KH&CN;

- Đầu tư phát triển các mạng thông tin KH&CN tiên tiến kết nối với khu vực và quốc tế;

- Phát triển Mạng thông tin nghiên cứu và phát triển Việt Nam;

- Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về thông tin, thư viện và thống kê KH&CN.

Sự phát triển mạnh mẽ của KH&CN, đặc biệt là của CNTT-TT, đang làm thay đổi lối sống, phương pháp làm việc trong nhiều lĩnh vực, trong đó có hoạt động thông tin KH&CN. Đất nước đang bước sang một giai đoạn phát triển mới nhằm đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp hoá vào năm 2020. Yêu cầu này đòi hỏi phải có những thay đổi trong hoạt động thông tin KH&CN. Việc thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia là một mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của hoạt động thông tin KH&CN của Việt Nam. Chúng ta tin tưởng rằng, cùng với sự ra đời của Cục, công tác quản lý nhà nước hoạt động thông tin KH&CN sẽ được tăng cường. Hoạt động thông tin KH&CN sẽ được đẩy mạnh đáp ứng được đòi hỏi của xã hội trong giai đoạn mới.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tiến Đức. *Chuyển đổi các tổ chức thông tin KH&CN theo Nghị định 115 của Chính phủ. Thông tin-Tư liệu, 2009, số 3.*

2. Tạ Bá Hưng. *Thông tin khoa học và công nghệ Việt Nam – 50 năm xây dựng và phát triển. Tạp chí Hoạt động khoa học. Số 11/2009 (606). tr. 12-14.*

3. *Đề án thành lập Cục Thông tin KH&CN Quốc gia trên cơ sở Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia.*

4. UNESCO world report. *Towards knowledge societies. UNESCO Publishing, 2005. 220 tr. (<http://unesdoc.unesco.org/images/0014/001418/141843e.pdf>)*

5. Cao Minh Kiem and Timothy J.B Boyle. *Environmental indicators for NSIS and the SEDP M&E framework: Final report on S&T indicators. Project 00040722 Support to Socio-economic Development Monitoring. March, 2008.*

6. Cao Minh Kiểm (chủ nhiệm đề tài) và cộng sự.

Nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu thống kê ngành KH&CN, chế độ báo cáo thống kê, bản phân loại mục tiêu kinh tế xã hội của hoạt động KH&CN, lĩnh vực nghiên cứu KH&CN. Báo cáo nhiệm vụ cấp Bộ. Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia, Bộ KH&CN. Hà Nội, 2009.

7. *Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 28/5/2009 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 BCH TW Đảng khoá X về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng.*

8. *Quyết định số 1434/QĐ-BKH&CN ngày 30/7/2009 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Chương trình hành động của Bộ KH&CN thực hiện kết luận 234-TB/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 22/NQ-CP của Chính phủ.*

9. *Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê. Hà Nội, 11/2009.*